

Ủy ban Nhân dân Huyện Củ Chi

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2017

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI

Địa chỉ chi tiết: 1307 tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh

Số giấy phép hoạt động: 10369/SYT-GPHĐ Ngày cấp: 13/01/2014

Tuyến trực thuộc: 3.Quận/Huyện

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

Hạng bệnh viện: Hạng III

Loại bệnh viện: Đa khoa

TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 82/83 TIÊU CHÍ
2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 99%
3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 260
4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.18

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	13	44	23	2	82
6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:	0.00	15.85	53.66	28.05	2.44	82

Ngày...13...tháng...11...năm...2017

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)


Tăng Thị Thanh Tâm

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
(ký tên và đóng dấu)

ThS.BS. HỒ HẢI TRƯỜNG GIANG

II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

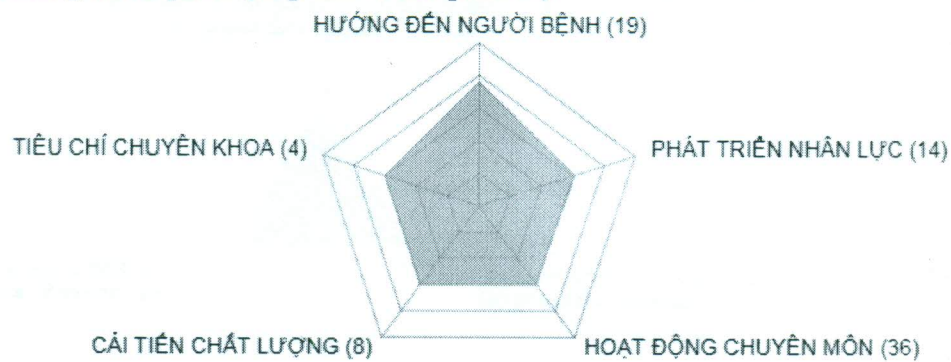
KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	0	0	6	10	2	3.78	18
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	0	0	2	3	1	3.83	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	0	0	1	4	0	3.80	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	0	0	1	0	1	4.00	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	0	2	3	0	3.60	5
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	0	2	9	3	0	3.07	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	0	1	2	0	0	2.67	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	0	1	2	0	3.67	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	0	0	3	1	0	3.25	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	1	3	0	0	2.75	4
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	8	20	7	0	2.97	35
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	1	1	0	3.50	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	2	2	2	0	3.00	6
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	0	0	4	1	0	3.20	5
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	0	1	2	0	0	2.67	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	3	1	1	0	2.60	5
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	0	6	0	0	3.00	6
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	0	2	0	0	0	2.00	2
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	2	7	2	0	3.00	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	0	0	2	1	0	3.33	3
D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	0	1	3	1	0	3.00	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	0	1	2	0	0	2.67	3
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	0	1	2	1	0	3.00	4
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	0	2	1	0	3.33	3
E2. Tiêu chí nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	1	0	0	0	2.00	1

III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

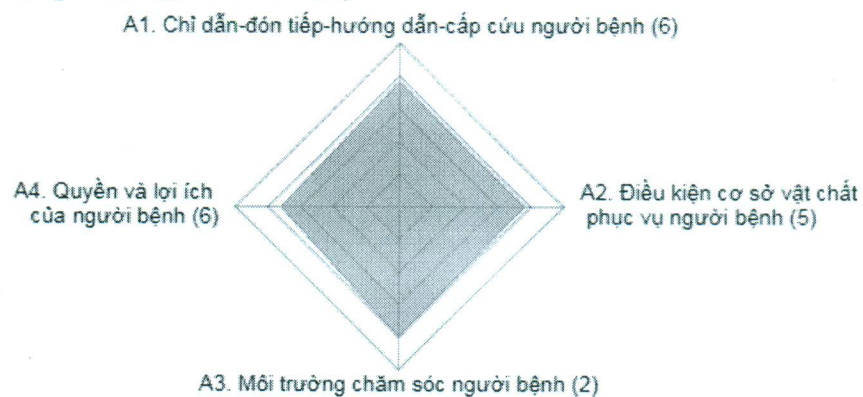
1. Bệnh viện huyện Củ Chi đã thành lập Đoàn tự kiểm tra bệnh viện năm 2017 gồm có 22 thành viên, trong đó ThS BS. Hồ Hải Trường Giang - Giám đốc bệnh viện làm Trưởng đoàn. - Thời gian tự kiểm tra từ ngày 07/11/2017 đến ngày 10/11/2017 2. Số lượng tiêu chí áp dụng: 82/83 tiêu chí - Tỷ lệ tiêu chí áp dụng: 99 phần trăm - Tổng số điểm các tiêu chí áp dụng: 260 - Điểm trung bình các tiêu chí: 3.18 (Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2) - Kết quả chia theo mức: Mức 1 Mức 2 Mức 3 Mức 4 Mức 5 Tổng số tiêu chí Số lượng tiêu chí đạt: 00 13 44 23 02 82 Phần trăm tiêu chí đạt: 00 15.85 53.66 28.05 2.44 99 3. Tiêu chí không áp dụng: 01 A4.4: Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế Lý do: Bệnh viện không có hoạt động xã hội hóa.

IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

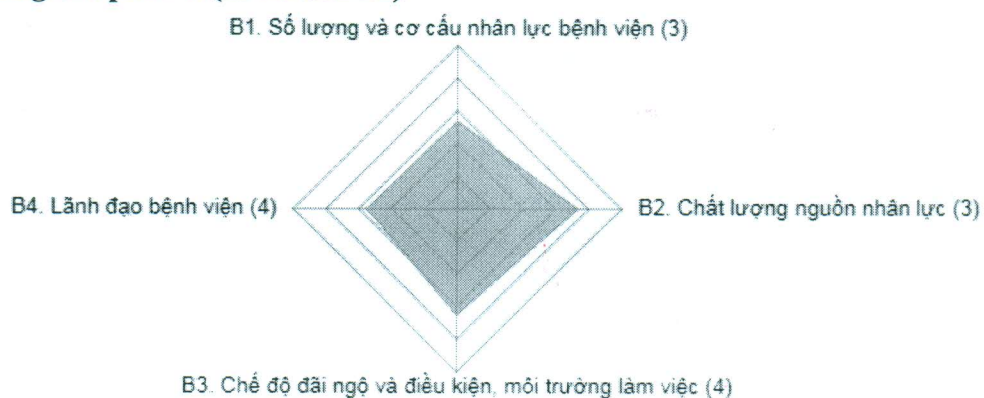
- a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



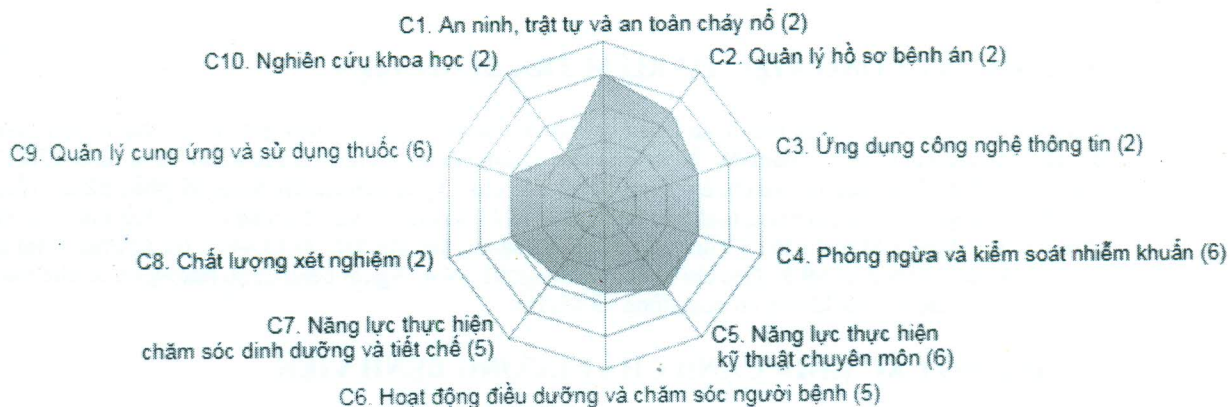
- b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



- c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



- d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



• e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)

